

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 16/NQ-HĐND

Ninh Thuận, ngày 12 tháng 5 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Bổ sung, điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025
các Chương trình mục tiêu quốc gia**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN
KHÓA XI KỲ HỌP THỨ 12**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 26 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 659/NQ-UBTVQH15 ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XV về việc bổ sung kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các Bộ, ngành Trung ương và địa phương thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia và điều chỉnh một số chỉ tiêu mục tiêu, nhiệm vụ của 03 Chương trình mục tiêu quốc gia tại Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Nhà nước trung hạn và hàng năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

Xét Tờ trình số 48/TTr-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết bổ sung, điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 các Chương trình mục tiêu quốc gia; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bổ sung, điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 các Chương trình mục tiêu quốc gia như sau:

I. Tổng vốn bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 là **168.800** triệu đồng, trong đó:

1. Vốn ngân sách Trung ương bổ sung: 71.791 triệu đồng, trong đó:
 - Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới bổ sung 63.880 triệu đồng, nâng tổng vốn thực hiện Chương trình là 268.240 triệu đồng;
 - Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi bổ sung 7.911 triệu đồng, nâng tổng vốn thực hiện Chương trình là 613.029 triệu đồng.

2. Vốn đối ứng ngân sách địa phương: 97.009 triệu đồng, trong đó:
 - Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới bổ sung 95.820 triệu đồng, nâng tổng vốn đối ứng Chương trình là 402.360 triệu đồng;
 - Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi bổ sung 1.189 triệu đồng, nâng tổng vốn đối ứng Chương trình là 91.979 triệu đồng.

II. Phân bổ vốn bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 các Chương trình mục tiêu quốc gia.

1. Vốn ngân sách Trung ương bổ sung: 71.791 triệu đồng, phân bổ như sau:
 - 1.1. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới 63.880 triệu đồng, trong đó:
 - a. Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021-2025: 10.000 triệu đồng, giao Văn phòng Điều Phối nông thôn mới.
 - b. Hỗ trợ một số địa phương thực hiện các nhiệm vụ chỉ đạo điểm của Lãnh đạo Chính phủ về xây dựng nông thôn mới: 38.500 triệu đồng, trong đó:
 - Hỗ trợ thêm vốn cho xã trắng nông thôn mới: 25.000 triệu đồng, giao UBND huyện Bác Ái.

- Mô hình xây dựng thí điểm Trung tâm thu mua - cung ứng nông sản an toàn trên địa bàn huyện Ninh Sơn: 13.500 triệu đồng, giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

c. Phân bổ vốn còn lại theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức quy định: 15.380 triệu đồng, giao 6 huyện, thành phố.

1.2. Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 7.911 triệu đồng, trong đó:

a. Dự án 3. Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị: 5.606 triệu đồng, giao UBND 2 huyện Bác Ái và Ninh Hải.

b. Dự án 10. Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình: 2.305 triệu đồng; trong đó: giao cho Sở, ngành: 580 triệu đồng; giao UBND 4 huyện Thuận Nam, Ninh Sơn, Thuận Bắc và Bác Ái: 1.725 triệu đồng.

2. Vốn đối ứng ngân sách địa phương

Tổng nhu cầu vốn đối ứng ngân sách địa phương là 97.009 triệu đồng, trong đó đối ứng các dự án giao cho các Sở, ngành từ nguồn vốn ngân sách tỉnh: 35.340 triệu đồng; đối ứng từ nguồn vốn ngân sách huyện, thành phố và các nguồn vốn hợp pháp khác: 61.669 triệu đồng. Theo đó, trích 54.490 triệu đồng từ nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 được HĐND tỉnh thông qua để đối ứng các Chương trình mục tiêu quốc gia. Phân bổ như sau:

- Đối ứng các dự án giao cho các Sở, ngành: 35.340 triệu đồng.

- Hỗ trợ các huyện, thành phố để đối ứng các Chương trình: 19.150 triệu đồng, trong đó:

+ Hỗ trợ huyện Bác Ái: 11.850 triệu đồng.

+ Hỗ trợ các huyện Ninh Phước, Ninh Hải, Ninh Sơn, Thuận Nam, Thuận Bắc và TP. Phan Rang - Tháp Chàm theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức quy định: 7.300 triệu đồng.

Số vốn đối ứng còn lại 42.519 triệu đồng, giao UBND các huyện, thành phố bố trí vốn đối ứng thực hiện các Chương trình từ các nguồn vốn tỉnh phân cấp, các nguồn vốn ngân sách huyện, xã, huy động từ các tổ chức cá nhân, và số vốn đã bố trí cho các công trình thuộc nội dung đầu tư của Chương trình xây dựng nông thôn mới theo tinh thần Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 30/6/2022 của HĐND tỉnh.

III. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

1. Vốn ngân sách Trung ương

a) Điều chỉnh giảm: 59.680 triệu đồng theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND, trong đó:

- UBND huyện Bác Ái: 46.960 triệu đồng;
- UBND huyện Thuận Bắc: 12.720 triệu đồng.

b) Điều chỉnh tăng: 59.680 triệu đồng cho các huyện, thành phố theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND, trong đó:

- UBND Thành Phố Phan Rang-Tháp Chàm: 970 triệu đồng
- UBND huyện Thuận Nam: 19.000 triệu đồng;
- UBND huyện Ninh Sơn: 24.090 triệu đồng;
- UBND huyện Ninh Hải: 7.810 triệu đồng;
- UBND huyện Ninh Phước: 7.810 triệu đồng.

2. Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ đối ứng

a) Điều chỉnh giảm: 36.830 triệu đồng theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND, trong đó:

- UBND huyện Bác Ái: 28.890 triệu đồng;
- UBND huyện Thuận Bắc: 7.940 triệu đồng.

b) Điều chỉnh tăng: 36.830 triệu đồng cho các huyện, thành phố theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND, trong đó:

- UBND Thành Phố Phan Rang - Tháp Chàm: 350 triệu đồng;
- UBND huyện Thuận Nam: 7.250 triệu đồng;
- UBND huyện Ninh Sơn: 8.840 triệu đồng;
- UBND huyện Ninh Hải: 9.890 triệu đồng;
- UBND huyện Ninh Phước: 10.500 triệu đồng.

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận Khóa XI Kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 09 tháng 5 năm 2023./.

CHỦ TỊCH

Phạm Văn Hậu

Phụ lục 01

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIỂU TỔNG HỢP KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 SAU KHI BỔ SUNG VÀ ĐIỀU CHỈNH**

(Kèm theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Số ngành, địa phương	Kế hoạch 2021 - 2025 đã giao tại Nghị quyết số 22/NQ-HĐND				Kế hoạch 2021 - 2025 sau khi bổ sung, điều chỉnh						
		Trong đó		Trong đó		Trong đó		Trong đó				
		Tổng số	Chương trình xây dựng nông thôn mới	Chương trình phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS-MN	Tổng vốn	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Tổng vốn	Chương trình phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS-MN	Tổng vốn	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện (*)
	Tổng số	1.206.808	204.360	605.118	397.330	119.850	277.480	881.269	268.240	613.029	174.340	319.999
	<i>Trong đó:</i>											
I	Phân bổ vốn cho các Sở, ngành	1.990	0	1.730	260	260	0	61.410	23.500	2.310	35.600	0
1	Sở Nông nghiệp - Phát triển nông thôn							33.750	13.500		20.250	
2	Văn phòng điều phối Nông thôn mới							25.000	10.000		15.000	
3	Ban Dân tộc	1.990	1.730	1.730	260	260		2.310		2.310	350	
II	Phân bổ vốn cho các huyện, thành phố	1.036.093	204.360	455.953	375.780	98.300	277.480	708.024	244.740	463.284	117.450	319.999
4	UBND thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	3.900	1.560	0	2.340	620	1.720	2.730	2.730		1.050	1.940
5	UBND huyện Thuận Nam	143.298	44.570	27.708	71.020	17.940	53.080	96.918	69.090	27.828	27.280	59.290
6	UBND huyện Thuận Bắc	189.920	26.120	108.360	55.440	13.560	41.880	122.700	13.990	108.710	5.840	42.599
7	UBND huyện Ninh Sơn	166.960	43.020	51.660	72.280	17.680	54.600	124.915	73.020	51.895	28.750	61.270

STT	Số ngành, địa phương	Kế hoạch 2021 - 2025 đã giao tại Nghị quyết số 22/NQ-HĐND				Kế hoạch 2021 - 2025 sau khi bổ sung, điều chỉnh									
		Trong đó		Trong đó		Trong đó		Trong đó							
		Tổng số	Vốn ngân sách Trung ương	Chương trình phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS-MN	Tổng vốn	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Tổng vốn	Chương trình xây dựng nông thôn mới	Chương trình phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS-MN	Tổng vốn	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện (*)		
8	UBND huyện Ninh Hải	59.925	37.715	12.260	25.455	22.210	5.460	16.750	84.798	49.908	21.650	28.258	34.890	16.690	18.200
9	UBND huyện Ninh Phước	31.480	12.260	12.260		19.220	4.750	14.470	53.740	21.650	21.650		32.090	16.590	15.500
10	UBND huyện Bắc Ái	440.610	307.340	64.570	242.770	133.270	38.290	94.980	431.653	289.203	42.610	246.593	142.450	21.250	121.200

Ghi chú:

(*): Số vốn còn lại 319.999 triệu đồng (bao gồm số vốn bổ sung 42.159 triệu đồng), UBND các huyện, thành phố bố trí vốn đối ứng từ các nguồn vốn tỉnh phân cấp, các nguồn vốn ngân sách huyện, xã, huy động từ các tổ chức cá nhân, và số vốn đã bố trí cho các công trình thuộc nội dung đầu tư của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới từ các nguồn vốn khác để đối ứng Chương trình nông thôn mới theo tinh thần Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 22/6/2022 của HĐND tỉnh.

Phụ lục 02

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BỔ SUNG VÀ ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

(Kèm theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chương trình/Dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch 2021-2025 đã giao tại Nghị quyết số 22/NQ-HĐND		Bổ sung Kế hoạch 2021-2025		Điều chỉnh kế hoạch 2021-2025				Kế hoạch 2021-2025 sau khi bổ sung, điều chỉnh			
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	Vốn ngân sách Trung ương		Vốn đối ứng ngân sách địa phương		Tổng số	Trong đó	
				Vốn ngân sách Trung ương	Vốn đối ứng ngân sách địa phương			Giảm	Tăng	Giảm	Tăng		Vốn ngân sách Trung ương	Vốn đối ứng ngân sách địa phương
	Tổng số		1.206.808	809.478	397.330	168.800	71.791	59.680	59.680	36.830	36.830	1.375.608	881.269	494.339
1	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		510.900	204.360	306.540	159.700	63.880	59.680	59.680	36.830	36.830	670.600	268.240	402.360
	<i>Trong đó:</i>													
a	Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021-2025	Văn phòng Điều phối nông thôn mới				25.000	10.000					25.000	10.000	15.000
b	Hỗ trợ một số địa phương thực hiện các nhiệm vụ chỉ đạo điểm của Lãnh đạo Chính phủ về xây dựng nông thôn mới					70.600	38.500					70.600	38.500	32.100
	- Hỗ trợ thêm vốn cho xã trắng nông thôn mới	UBND huyện Bắc Ái				36.850	25.000					36.850	25.000	11.850
	- Trung tâm thu mua - cung ứng nông sản an toàn trên địa bàn huyện Ninh Sơn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn				33.750	13.500					33.750	13.500	20.250

STT	Chương trình/Dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch 2021-2025 đã giao tại Nghị quyết số 22/NQ-HĐND		Bổ sung Kế hoạch 2021-2025		Điều chỉnh kế hoạch 2021-2025				Kế hoạch 2021-2025 sau khi bổ sung, điều chỉnh			
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	Vốn ngân sách Trung ương		Vốn đối ứng ngân sách địa phương		Tổng số	Trong đó	
				Vốn ngân sách Trung ương	Vốn đối ứng ngân sách địa phương			Giảm	Tăng	Giảm	Tăng		Vốn ngân sách Trung ương	Vốn đối ứng ngân sách địa phương
c	Phân bổ vốn theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức quy định		302.660	204.360	98.300	22.680	15.380	7.300	59.680	36.830	325.340	219.740	105.600	
	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	UBND Tp Phan Rang-Tháp Chàm	2.180	1.560	620	280	200	80	970	350	3.780	2.730	1.050	
	UBND huyện Thuận Nam	UBND huyện Thuận Nam	62.510	44.570	17.940	7.610	5.520	2.090	19.000	7.250	96.370	69.090	27.280	
	UBND huyện Ninh Sơn	UBND huyện Ninh Sơn	60.700	43.020	17.680	8.140	5.910	2.230	24.090	8.840	101.770	73.020	28.750	
	UBND huyện Ninh Hải	UBND huyện Ninh Hải	17.720	12.260	5.460	2.920	1.580	1.340	7.810	9.890	38.340	21.650	16.690	
	UBND huyện Ninh Phước	UBND huyện Ninh Phước	17.010	12.260	4.750	2.920	1.580	1.340	7.810	10.500	38.240	21.650	16.590	
	UBND huyện Thuận Bắc	UBND huyện Thuận Bắc	39.680	26.120	13.560	810	590	220	12.720	7.940	19.830	13.990	5.840	
	UBND huyện Bắc Ái	UBND huyện Bắc Ái	102.860	64.570	38.290				46.960	28.890	27.010	17.610	9.400	
2	Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		695.908	605.118	90.790	9.100	7.911	1.189			705.008	613.029	91.979	
	<i>Trong đó:</i>													
a	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị		28.733	28.733		5.606	5.606				34.339	34.339		
	<i>TDA 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>		28.733	28.733		5.606	5.606				34.339	34.339		
	UBND huyện Bắc Ái	UBND huyện Bắc Ái	14.433	14.433		2.803	2.803				17.236	17.236		

STT	Chương trình/Dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch 2021-2025 đã giao tại Nghị quyết số 22/NQ-HĐND		Bổ sung Kế hoạch 2021-2025		Điều chỉnh kế hoạch 2021-2025				Kế hoạch 2021-2025 sau khi bổ sung, điều chỉnh			
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	Vốn ngân sách Trung ương		Vốn đối ứng ngân sách địa phương		Tổng số	Trong đó	
				Vốn ngân sách Trung ương	Vốn đối ứng ngân sách địa phương			Giảm	Tăng	Giảm	Tăng		Vốn ngân sách Trung ương	Vốn đối ứng ngân sách địa phương
	UBND huyện Ninh Hải	UBND huyện Ninh Hải	14.300	14.300	2.803	2.803					17.103	17.103		
b	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình		7.210	6.950	2.395	2.305					9.605	9.255	350	
	<i>TDA 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>		<i>7.210</i>	<i>260</i>	<i>2.395</i>	<i>2.305</i>					<i>9.605</i>	<i>9.255</i>	<i>350</i>	
	Ban Dân tộc	Ban Dân tộc	1.990	1.730	670	580					2.660	2.310	350	
	UBND huyện Thuận Nam	UBND huyện Thuận Nam	350	350	120	120					470	470		
	UBND huyện Ninh Sơn	UBND huyện Ninh Sơn	720	720	235	235					955	955		
	UBND huyện Thuận Bắc	UBND huyện Thuận Bắc	1.050	1.050	350	350					1.400	1.400		
	UBND huyện Bắc Ái	UBND huyện Bắc Ái	3.100	3.100	1.020	1.020					4.120	4.120		

STT	Nguồn vốn	Chủ đầu tư	Kế hoạch 2021-2025 bổ sung và điều chỉnh		Trong đó				Ghi chú	
			Trong đó		Bổ sung Kế hoạch 2021 - 2025		Điều chỉnh kế hoạch 2021 - 2025			
			Tổng số	Vốn ngân sách Trung ương	Tổng số	Vốn ngân sách Trung ương	Tổng số	Vốn ngân sách Trung ương		Vốn ngân sách Trung ương
17	Kiến cổ hóa kênh mương nội đồng xã Thành Hải	-nt-								
18	Đường giao thông nội thôn, nội đồng xã Thành Hải (giai đoạn 2)	-nt-								
*	Huyện Thuận Nam		24.520	9.340	7.610	5.520	2.090	19.000	7.250	
19	Nâng cấp các trục đường giao thông xã Phước Diêm	UBND huyện Thuận Nam								
20	Đường giao thông xã Phước Nam (giai đoạn 2)	-nt-								
21	Đường giao thông nông thôn xã Phước Ninh (giai đoạn 2)	-nt-								
22	Xây mới chợ Vù Bồn	-nt-								
23	Hệ thống thoát nước các trục đường xã Phước Minh	-nt-								
24	Đường giao thông nông thôn xã Phước Minh (giai đoạn 2)	-nt-								
*	Huyện Ninh Hải		20.620	11.230	2.920	1.580	1.340	7.810	9.890	
25	Đường bê tông giao thông nông thôn xã Hộ Hải (thôn Đá Bần, Hộ Diêm, Lương Cách)	UBND huyện Ninh Hải								
26	Đường bê tông giao thông nông thôn xã Nhơn Hải (thôn Khánh Nhơn 2, Mỹ Tường 1, Mỹ Tường 2)	-nt-								
27	Đường bê tông giao thông nông thôn xã Thanh Hải (thôn Mỹ Hiệp, Mỹ Phong)	-nt-								
28	Bê tông đường giao thông và bê tông mương thoát lũ thôn Phương Cựu 1, xã Phương Hải	-nt-								
29	Đường bê tông giao thông nông thôn xã Vĩnh Hải (thôn Vĩnh Hy Ấp Bắc, Ấp Nam)	-nt-								
30	Đường bê tông nội thôn thôn Khánh Hội và Khánh Tường, xã Tri Hải	-nt-								
31	Đường bê tông nội thôn thôn Phước Nhơn 1, xã Xuân Hải	-nt-								
32	Đường bê tông giao thông nông thôn xã Tân Hải	-nt-								
*	Huyện Ninh Phước		21.230	11.840	2.920	1.580	1.340	7.810	10.500	
33	Xây dựng hệ thống thoát nước khu dân cư thôn Thành Tín và thôn Từ Tâm 1, xã Phước Hải	UBND huyện Ninh Phước								
34	Đường giao thông nông thôn xã Phước Thuận	-nt-								

